

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ Q
TỈNH B**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **242** /2021/DS- ST

Ngày 11 - 8 - 2021

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Q, TỈNH B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ung Quang Định

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Ron

2. Ông Phạm Ngọc Đông

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hạnh là Thư ký Tòa án nhân dân Tp. Q, tỉnh B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Q tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Mỹ Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Tp. Q, tỉnh B xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số: 128/2020/TLST-DS ngày 18 tháng 8 năm 2020 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 118/2021/QĐXX - ST ngày 18 tháng 6 năm 2021 và **Quyết định hoãn phiên tòa số: 143/2021/QĐST- DS ngày 16 tháng 7 năm 2021**, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Ngô Thị T, sinh năm 1975

Trú tại: 23 Đoàn Thị Đ, Tổ 3, P. D, Tp. P, tỉnh G

Người đại diện theo ủy quyền: Chị Võ Quỳnh N, sinh năm: 1996

Trú tại: 53 Lưu Hữu P, Tp. Q, tỉnh B (theo giấy ủy quyền ngày 20/8/2020)

Bị đơn: Anh Đặng Duy T, sinh năm 1971. Chị Nguyễn Thị Hồng Y, sinh năm 1975

HKTT: 321 Lê Hồng P, tổ 17, KV 3, Phường L, TP. Q, tỉnh B.

Trú tại: 9/16 A Đoàn Thị Đ, KV 1, P. T, Tp. Q, tỉnh B.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Văn P, sinh năm 1968

Trú tại: 23 Đoàn Thị Đ, Tổ 3, P. D, Tp. P, tỉnh G

(Chị N có mặt, anh T và chị Y vắng mặt, anh P có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 27/7/2020 và các lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Ngô Thị T và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị Võ Quỳnh N trình bày:

Do quen biết từ trước, chị Ngô Thị T có cho vợ chồng anh Đặng Duy T và chị Nguyễn Thị Hồng Y vay số tiền 2.000.000.000đ theo giấy nhận nợ vay viết tay ký ngày 04/5/2017, có chữ ký của anh T và chị Y. Mục đích vay để làm ăn; theo thỏa thuận bên vay trả tiền lãi 30.000.000đ/tháng (tương đương mức lãi suất 1,5%/tháng), không thỏa thuận thời hạn trả nợ gốc. Sau khi vay, anh T và chị Y trả lãi không đúng thời hạn như thỏa thuận có tháng trả, có tháng không trả, số tiền trả lãi tổng cộng được bao nhiêu chị không nhớ; tiền gốc chưa trả. Chị T đã nhiều lần điện thoại và đến nhà yêu cầu trả nợ nhưng anh T và chị Y không thực hiện nên chị khởi kiện yêu cầu anh T, chị Y trả nợ gốc và tiền lãi theo thỏa thuận từ ngày ký giấy nhận nợ cho đến khi xét xử vụ án.

Sau Tòa án thụ lý vụ án, anh T có gọi điện cho chị T hứa hẹn mỗi tháng sẽ trả dần 50.000.000đ cho đến khi trả hết nợ nhưng chị T không đồng ý. Sau đó, anh T chuyển vào tài khoản của anh P (chồng chị T) số tiền 50.000.000đ nhưng không ghi rõ nội dung chuyển tiền. Từ đó cho đến nay vợ chồng anh T và chị Y không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Do đó, chị T yêu cầu vợ chồng anh Đặng Duy T và chị Nguyễn Thị Hồng Y phải có nghĩa vụ trả cho vợ chồng chị số tiền nợ gốc 2.000.000.000đ và tiền lãi theo thỏa thuận 30.000.000đ/tháng (1,5%/tháng), thời gian tính lãi từ ngày khởi kiện vụ án ngày 27/7/2020 cho đến ngày Tòa xét xử sơ thẩm theo quy định.

- *Bị đơn:* Bị đơn anh Đặng Duy T và chị Nguyễn Thị Hồng Y đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng anh T và chị Y không đến Tòa làm việc nên không lấy được lời khai.

- *Theo bản tự khai ngày 03/9/2020 và các lời khai tiếp theo người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn P trình bày:*

Anh thống nhất như lời trình bày của vợ anh chị Ngô Thị T về giấy nhận nợ vay ký ngày 04/5/2017; theo đó vợ chồng anh T, chị Y vay vợ chồng anh số tiền 2.000.000.000đ, lãi suất thỏa thuận 30.000.000đ/tháng đến nay chưa trả. Do đó, anh yêu cầu vợ chồng anh T, chị Y phải trả cho vợ chồng anh số tiền gốc 2.000.000.000đ và tiền lãi chậm trả theo thỏa thuận 30.000.000đ/tháng (1,5%/tháng), tính từ ngày khởi kiện 27/7/2020 cho đến ngày xét xử theo quy định. Anh P có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Q phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và đề xuất hướng giải quyết vụ án:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thực hiện các quyền, nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 71 và 73 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn không thực hiện các quyền, nghĩa vụ quy định tại Điều 70 và 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 463, 466, 468, 469 Bộ luật dân sự, đề nghị:

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của **chị Ngô Thị T**. Buộc bị đơn anh Đặng Duy T và chị Nguyễn Thị Hồng Y phải có nghĩa vụ trả cho **chị Ngô Thị T** và ông Nguyễn Văn P số tiền nợ gốc 2.000.000.000đ và tiền nợ lãi theo thỏa thuận 30.000.000đ/tháng (tương ứng 1,5%/tháng), tính từ ngày khởi kiện (27/7/2020) cho đến ngày xét xử sơ thẩm vụ án (11/8/2021).

+ Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc khấu trừ số tiền 50.000.000đ mà bị đơn đã chuyển vào tài khoản của anh Nguyễn Văn P vào ngày 06/10/2020 vào số tiền lãi mà anh T, chị Y còn phải trả.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Ngô Thị T khởi kiện yêu cầu bị đơn anh Đặng Duy T và chị Nguyễn Thị Hồng Y, trú tại địa chỉ: 9/16 A Đoàn Thị Đ, KV 1, P. T, Tp. Q, tỉnh B trả số tiền vay còn nợ 2.000.000.000đ theo giấy nhận nợ vay ký ngày 04/5/2017 và lãi chậm trả nên quan hệ pháp luật được xác định: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” thuộc trường hợp tranh chấp về dân sự và vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân Tp. Q theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về vắng mặt đương sự:

- Đối với bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa đã nhiều lần tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn anh Đặng Duy T và chị Nguyễn Thị Hồng Y nhưng anh T, chị Y không đến Tòa làm việc. Tòa án kết hợp chính quyền địa phương đến nơi cư trú của bị đơn để tiến hành lấy lời khai nhưng anh T, chị Y vắng mặt nên không lấy được lời khai. Trước khi xét xử, Tòa đã áp dụng các thủ tục theo quy định nhưng anh T, chị Y không có mặt tại phiên tòa, vắng mặt lần thứ

2 không có lý do; nhận thấy đây là trường hợp cố tình trốn tránh gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh T, chị Y.

- Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Trước khi mở phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn P có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Chị Ngô Thị T có cho vợ chồng anh Đặng Duy T và chị Nguyễn Thị Hồng Y vay số tiền 2.000.000.000đ theo giấy nhận nợ vay (viết tay) ký ngày 04/5/2017, mục đích vay làm ăn, có chữ ký của anh T và chị Y. Theo thỏa thuận anh T, chị Y trả lãi hàng tháng 30.000.000đ (tương đương mức lãi suất 1,5%/tháng), không thỏa thuận thời hạn trả nợ gốc. Sau khi vay, anh T và chị Y trả lãi không đúng thời hạn như thỏa thuận, tiền gốc chưa trả. Chị T nhiều lần yêu cầu trả nợ nhưng anh T và chị Y không thực hiện. Do đó, chị khởi kiện yêu cầu anh T và chị Y trả tiền nợ gốc 2.000.000.000đ và tiền lãi theo quy định. Chị T trình bày sau khi Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, anh T có gọi điện cho chị hứa hẹn mỗi tháng sẽ trả dần 50.000.000đ cho đến khi trả hết nợ nhưng chị T không đồng ý. Đến ngày 06/10/2020, anh T có chuyển vào tài khoản của anh P (chồng chị T) với tổng số tiền 50.000.000đ. Từ đó cho đến nay vợ chồng anh T và chị Y không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Do đó, chị T yêu cầu vợ chồng anh T và chị Y phải có nghĩa vụ trả số tiền gốc còn nợ 2.000.000.000đ và tiền lãi là có căn cứ, phù hợp với các Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự nên chấp nhận.

Về tiền lãi: Tại phiên tòa đại diện hợp pháp của nguyên đơn yêu cầu vợ chồng anh T và chị Y trả tiền lãi theo thỏa thuận 30.000.000đ/tháng (1,5%/tháng tương đương 18%/năm), thời gian tính từ ngày khởi kiện 27/7/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm. Nhận thấy mức lãi suất thỏa thuận 18%/năm không vượt quá mức lãi suất giới hạn quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 và Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên chấp nhận. Tiền lãi được tính từ ngày 27/7/2020 đến ngày 11/8/2021 là 380 ngày: $2.000.000.000đ \times 18\%/365 \times 380 \text{ ngày} = 374.794.521đ$

Đối với số tiền 50.000.000đ anh T chuyển vào tài khoản của anh P nhưng không thể hiện nội dung trả tiền gốc hay tiền lãi và nguyên đơn yêu cầu khấu trừ số tiền này vào tiền lãi. Xét thấy, quá trình vay anh T và chị Y trả lãi không đầy đủ theo thỏa thuận, có tháng trả có tháng không trả. Kể từ ngày khởi kiện vụ án cho đến nay, anh T và chị Y cũng không thực hiện nghĩa vụ trả lãi. Do đó, chấp nhận khấu trừ số tiền 50.000.000đ vào tiền lãi theo yêu cầu của nguyên đơn. Như vậy số

tiền lãi anh T và chị Y phải trả cho chị T là 374.794.521đ – 50.000.000đ = 324.794.521đ.

Từ những phân tích nêu trên, HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ngô Thị T, buộc vợ chồng anh Đặng Duy T và chị Nguyễn Thị Hồng Y có nghĩa vụ trả cho vợ chồng chị Ngô Thị T và anh Nguyễn Văn P số tiền: 2.324.794.521đ, trong đó: tiền gốc 2.000.000.000đ và tiền lãi 324.794.521đ.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Anh Đặng Duy T và chị Nguyễn Thị Hồng Y phải chịu 78.495.890đ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Chị Ngô Thị T không phải chịu nên được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Tòa nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, 466, 468, 469 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ngô Thị T. Buộc vợ chồng **anh Đặng Duy T** và chị Nguyễn Thị Hồng Y có nghĩa vụ trả nợ cho vợ chồng chị Ngô Thị T và anh Nguyễn Văn P số tiền 2.324.794.521đ (*hai tỷ, ba trăm hai mươi bốn triệu, bảy trăm chín mươi bốn nghìn, năm trăm hai mươi một đồng*), trong đó: tiền gốc 2.000.000.000đ và tiền lãi 324.794.521đ.

2. Chấp nhận yêu cầu của chị Ngô Thị T khấu trừ số tiền 50.000.000đ **anh Đặng Duy T** đã chuyển vào tài khoản của anh Nguyễn Văn P ngày 06/10/2020 vào số tiền lãi mà **anh Đặng Duy T**, chị Nguyễn Thị Hồng Y còn phải trả.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Vợ chồng anh Đặng Duy T và chị Nguyễn Thị Hồng Y phải chịu 78.495.890đ (*bảy mươi tám triệu, bốn trăm chín mươi lăm nghìn, tám trăm chín mươi đồng*).

3.2. Hoàn lại cho chị Ngô Thị T số tiền tạm ứng án phí 36.000.000đ (*ba mươi sáu triệu đồng*) theo biên lai thu số 0008359 ngày 18/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Tp. Q, tỉnh B.

4. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:

4.1 Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4.2 Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B;
- VKSND Tp. Q;
- Chi cục THADS Tp. Q;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ung Quang Định